

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

MST: 0101809894

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ I NĂM 2022

Báo cáo gồm có:

1. Bảng cân đối kế toán
2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
4. Thuyết minh báo cáo tài chính



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I/2022 của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 20 tháng 04 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		167,530,090,375	158,011,637,536
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	3,318,902,396	2,193,747,540
1. Tiền	111		3,318,902,396	2,193,747,540
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1,500,000,000	1,500,000,000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	1,500,000,000	1,500,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		118,712,968,254	110,300,646,609
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	97,656,006,453	86,665,592,858
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	3,391,974,528	6,082,978,019
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	16,968,000,000	16,968,000,000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	2,090,574,950	1,975,420,403
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(1,396,517,909)	(1,396,517,909)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.8	2,930,232	5,173,238
IV. Hàng tồn kho	140		42,922,186,625	43,556,326,704
1. Hàng tồn kho	141	V.9	42,922,186,625	43,556,326,704
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1,076,033,100	460,916,683
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	788,754,947	458,831,531
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	V.11	286,179,178	2,085,152
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	1,098,975	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

áo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I/2022 của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		29,582,833,834	28,628,851,966
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		34,000,000	34,000,000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.13	34,000,000	34,000,000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		27,106,787,532	26,889,256,294
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.14	27,093,149,532	26,870,504,044
<i>Nguyên giá</i>	222		36,789,739,643	35,894,578,311
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(9,696,590,111)	(9,024,074,267)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.15	13,638,000	18,752,250
<i>Nguyên giá</i>	228		159,181,000	159,181,000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(145,543,000)	(140,428,750)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.16	844,615,980	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		844,615,980	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1,597,430,322	1,705,595,672
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.17	1,597,430,322	1,705,595,672
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		197,112,924,209	186,640,489,502

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I/2022 của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		92,187,496,140	84,781,285,181
I. Nợ ngắn hạn	310		78,346,245,176	70,940,034,217
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.18	23,665,348,783	19,674,744,435
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.19	1,414,931,441	982,442,041
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.20	765,826,849	3,349,165,353
4. Phải trả người lao động	314	V.21	1,442,914,532	2,141,923,843
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.22	398,969,276	305,190,158
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.23	593,527,739	598,612,042
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.24	48,785,484,783	42,573,714,572
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.25	267,363,054	267,363,054
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.26	1,011,878,719	1,046,878,719
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		13,841,250,964	13,841,250,964
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.27	12,864,000,000	12,864,000,000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.28	977,250,964	977,250,964
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

áo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I/2022 của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		104,925,428,069	101,859,204,321
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.29	104,925,428,069	101,859,204,321
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		79,879,480,000	79,879,480,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		79,879,480,000	79,879,480,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		3,350,096,346	3,350,096,346
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		21,695,851,723	18,629,627,975
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		18,629,627,975	3,291,772,192
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3,066,223,748	15,337,855,783
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		197,112,924,209	186,640,489,502

Người lập biểu

Nguyễn Bá Thị Hợp

Kế toán trưởng

Nguyễn Bá Thị Hợp

Lập, ngày 20 tháng 04 năm 2022

Giám đốc


Hoàng Mạnh Tân

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I/2022 của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý I Năm 2022

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý I năm nay		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	59,780,689,333	50,792,203,026	59,780,689,333	50,792,203,026
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		33,920,402	140,939,192	33,920,402	140,939,192
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		59,746,768,931	50,651,263,834	59,746,768,931	50,651,263,834
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	52,903,185,676	43,240,385,783	52,903,185,676	43,240,385,783
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		6,843,583,255	7,410,878,051	6,843,583,255	7,410,878,051
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	304,690,271	288,969,005	304,690,271	288,969,005
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	976,970,128	754,336,620	976,970,128	754,336,620
Trong đó: chi phí lãi vay	23		969,068,732	753,758,503	969,068,732	753,758,503
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	846,834,009	1,619,989,582	846,834,009	1,619,989,582
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	2,494,926,474	3,159,093,803	2,494,926,474	3,159,093,803
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2,829,542,915	2,166,427,051	2,829,542,915	2,166,427,051
11. Thu nhập khác	31	VI.7	1,015,732,770	1,471,941,188	1,015,732,770	1,471,941,188
12. Chi phí khác	32	VI.8	12,496,001	4,694,107	12,496,001	4,694,107
13. Lợi nhuận khác	40		1,003,236,769	1,467,247,081	1,003,236,769	1,467,247,081
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3,832,779,684	3,633,674,132	3,832,779,684	3,633,674,132
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		766,555,936	726,734,827	766,555,936	726,734,827
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3,066,223,748	2,906,939,305	3,066,223,748	2,906,939,305

Người lập biểu

Nguyễn Bá Thị Hợp

Kế toán trưởng

Nguyễn Bá Thị Hợp

Lập, ngày 20 tháng 04 năm 2022



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CNI, Cụm CN Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I/2022 của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Quý I Năm 2022

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		44 429 472 760	34 424 474 643
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(37 538 744 309)	(18 376 010 265)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(3 998 352 540)	(2 680 515 651)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(962 893 389)	(57 983 701)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(2 204 277 817)	
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		540 867 386	911 419 147
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(5 353 267 125)	(12 009 019 350)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(5 087 195 034)	2 212 364 823
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21			
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		579 678	901 727
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		579 678	901 727
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33		30 679 460 981	
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(24 467 690 769)	(8 907 618 512)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		6 211 770 212	(8 907 618 512)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20 + 30 + 40)	50		1 125 154 856	(6 694 351 962)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		2 193 747 540	8 910 607 965
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50 + 60 + 61)	70		3 318 902 396	2 216 256 003

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Bá Thị Hợp

Nguyễn Bá Thị Hợp

Hoàng Mạnh Tân

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Quý 01/ 2022)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phát triển năng lượng Sơn Hà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất và kinh doanh các thiết bị năng lượng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 104 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 102 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 31/12/2022

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 02 năm.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	3 – 8
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	4 - 6

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là “Chương trình phần mềm máy tính”. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 đến 05 năm.

9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

10. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

11. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

12. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

13. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

14. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chi ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm/kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	82,718,943	65,840,721
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3,236,183,453	2,127,906,819
Tiền đang chuyển		
Các khoản tương đương tiền		
Cộng	<u>3,318,902,396</u>	<u>2,193,747,540</u>

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm/kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>75,335,453,088</i>	<i>72,368,966,716</i>
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam		
Công ty Cổ Phần Quốc tế Sơn Hà	67 882 481 864	63 281 652 188
Công ty TNHH một thành viên Sơn Hà Nghệ An	1 043 447 789	1 684 086 700
Công ty TNHH MTV thiết bị gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh		
Công ty TNHH Một Thành Viên Toàn Mỹ Miền Trung	776 795 380	2 466 663 430
Công Ty Cổ Phần Tổng Công Ty Toàn Mỹ	5 603 657 911	4 936 564 398
Công ty Cổ Phần Thiết Bị Nhà Bếp Sơn Hà		
Công ty CP Kinh doanh và Phát Triển Dự án Sơn Hà (S)	29 070 144	
Công ty Cổ phần Điện Mặt Trời Sơn Hà FREESOLAR		
...		
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>22,320,553,365</i>	<i>14,296,626,142</i>
Các khách hàng khác	22,320,553,365	14,296,626,142
Cộng	<u>97,656,006,453</u>	<u>86,665,592,858</u>

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm/kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho các bên liên quan	-	-
Trả trước cho người bán khác	<u>3,391,974,528</u>	<u>6,082,978,019</u>
CHANGZHOU SUNNERGY ENERGY TECHNOLOG	-	-
QUINGDAO SUNTY-ECO INDUSTRY & TRADE CC	-	111,567,606
AIMA SPORT (TIANJIN) CO., LTD	1,887,121,210	2,820,177,499
HAINING FU JIANG IMP&EXP CO.,LTD	259,484,280	259,637,162
SHENYANG YUANQI IMPORT&EXPORT CO., LTI	8,476,720	8,476,720
SHANGHAI MINIPORE INDUSTRIAL CO.,LTD	-	-
LINYI TONGDA GLOBAL PURCHASE CO., LTD	933,132,010	1,669,334,410
Các nhà cung cấp khác	303,760,308	1,213,784,622
Cộng	<u>3,391,974,528</u>	<u>6,082,978,019</u>

4. Phải thu về cho vay ngắn hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm/kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	15,000,000,000	15,000,000,000
Cho Công ty TNHH MTV thiết bị gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh vay với lãi suất 7%/năm	15,000,000,000	15,000,000,000
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	1,968,000,000	1,968,000,000
Cho các tổ chức và cá nhân khác vay, mượn	1,968,000,000	1,968,000,000
Cộng	16,968,000,000	16,968,000,000

5. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm/kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Phải thu các bên liên quan				
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	2,090,574,950	-1,396,517,909	1,975,420,403	-1,396,517,909
Tạm ứng	1,000,626,170		866,321,903	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1,089,948,780	-1,396,517,909	1,109,098,500	-1,396,517,909
Ông Kiều Thanh Phong	536,000,000	-536,000,000	536,000,000	-536,000,000
Ông Nguyễn Văn Thảo	536,000,000	-536,000,000	536,000,000	-536,000,000
Cá nhân khác	17,948,780	-324,517,909	37,098,500	-324,517,909
Cộng	2,090,574,950	-1,396,517,909	1,975,420,403	-1,396,517,909

6. Phải thu dài hạn khác

	<u>Số cuối năm/kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Phải thu các bên liên quan				
...				
Phải thu các tổ chức và cá nhân k.	34,000,000		34,000,000	
Ký cược, ký quỹ	34,000,000		34,000,000	
Các khoản phải thu dài hạn khác				
Cộng	34,000,000		34,000,000	

7. Nợ xấu

	<u>Số cuối năm/kỳ</u>		<u>Số cuối năm/kỳ</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>
Các bên liên quan	-	-	-	-
Các tổ chức và cá nhân khác	1,396,517,909	-	1,396,517,909	-
Ông Hoàng trọng Thủy	171,397,909	-	171,397,909	-
Ông Kiều Thanh Phong	536,000,000	-	536,000,000	-
Ông Nguyễn Văn Thảo	536,000,000	-	536,000,000	-
Các đối tác doanh nghiệp	153,120,000	-	153,120,000	-
Cộng	1,396,517,909	-	1,396,517,909	-

8. Tài sản thiếu chờ xử lý

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm/kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền		
Hàng tồn kho	2,930,232	5,173,238
Tài sản cố định		
Tài sản khác		
Cộng	<u>2,930,232</u>	<u>5,173,238</u>

9. Hàng tồn kho

	Số cuối năm/kỳ		Số đầu năm	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Hàng mua đang đi trên đường	69,564,052		3,701,080,190	
Nguyên liệu, vật liệu	23,433,901,333		22,365,790,704	
Công cụ, dụng cụ	556,354,583		573,942,235	
Bao bì luân chuyển				
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1,234,252,193		1,265,039,057	
Thành phẩm	13,410,051,009		11,114,408,745	
Hàng hóa	4,218,063,455		4,536,065,773	
Hàng gửi đi bán				
Hàng hóa kho bảo thuế				
Cộng	<u>42,922,186,625</u>		<u>43,556,326,704</u>	

10. Chi phí trả trước**10a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm/kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	788,754,947	458,831,531
Cộng	<u>788,754,947</u>	<u>458,831,531</u>

10b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm/kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số dư đầu kỳ	1,705,595,672	2,616,541,737
Tăng trong năm	196,581,819	1,170,705,856
Phân loại lại từ TSCĐ hữu hình		
Phân loại lại từ chi phí trả trước ngắn hạn		
Phân bổ trong kỳ	-304,747,169	-2,081,651,921
Các chi phí trả trước dài hạn khác		
Cộng	<u>1,597,430,322</u>	<u>1,705,595,672</u>

11. Tài sản cố định hữu hình

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền đẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	34,444,667,995	1,279,801,818	170,108,498	35,894,578,311
Mua trong năm/kỳ	865,000,000		30,161,332	895,161,332
Đầu tư XDCB hoàn thành				
Tăng khác				
Chuyển sang bất động sản đầu tư				
Thanh lý, nhượng bán				
Giảm khác				
Số cuối năm/kỳ	35,309,667,995	1,279,801,818	200,269,830	36,789,739,643
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	-8,431,928,564	-526,205,913	-65,939,790	-9,024,074,267
Khấu hao trong năm/kỳ	-600,130,348	-59,871,972	-12,513,524	-672,515,844
Tăng khác				
Chuyển sang bất động sản đầu tư				
Thanh lý, nhượng bán				
Giảm khác				
Số cuối năm/kỳ	-9,032,058,912	-586,077,885	-78,453,314	-9,696,590,111
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	26,012,739,431	753,595,905	104,168,708	26,870,504,044
Số cuối năm/kỳ	26,277,609,083	693,723,933	121,816,516	27,093,149,532

12. Tài sản cố định vô hình

	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu, tên thương mại	Chương trình phần mềm	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm			159,181,000	159,181,000
Mua trong năm/kỳ				
Tăng khác				
Thanh lý, nhượng bán				
Giảm khác				
Số cuối năm/kỳ			159,181,000	159,181,000
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng				
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm			-140,428,750	-140,428,750
Khấu hao trong năm/kỳ			-5,114,250	-5,114,250
Tăng khác				
Thanh lý, nhượng bán				
Giảm khác				
Số cuối năm/kỳ			-145,543,000	-145,543,000
Giá trị còn lại				
Số đầu năm			18,752,250	18,752,250
Số cuối năm/kỳ			13,638,000	13,638,000

13. Phải trả người bán ngắn hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm/kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	9,911,001,625	3,151,699,930
Công ty Cổ Phần Quốc tế Sơn Hà	2,184,590,059	
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam	1,201,620,821	3,038,572,698
Công ty TNHH Đầu tư Phát Triển và Dịch vụ Quốc tế Thiên Sơn		45,540,000
Công ty CP Kinh doanh và Phát Triển Dự án Sơn Hà (SHD)	19,584,950	19,584,950
Công ty TNHH MTV thiết bị gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh	6,397,726,820	
Công ty Cổ Phần Thiết Bị Nhà Bếp Sơn Hà	107,478,975	48,002,282
Phải trả các nhà cung cấp khác	13,754,347,158	16,523,044,505
Các nhà cung cấp khác	13,754,347,158	16,523,044,505
Cộng	23,665,348,783	19,674,744,435

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm/kỳ	Số phát sinh trong năm/kỳ	Số cuối năm/kỳ	Phải thu
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1,165,451,538		6,976,917	1,172,428,455		
Thuế GTGT hàng nhập khẩu			1,249,616,721	1,249,616,721		
Thuế tiêu thụ đặc biệt						
Thuế xuất, nhập khẩu		2,085,152	736,265,257	735,279,080		1,098,975
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2,149,031,205		766,555,936	2,204,277,817	711,309,324	
Thuế thu nhập cá nhân	34,682,610		193,400,575	173,565,660	54,517,525	
Thuế tài nguyên						
Thuế nhà đất						
Tiền thuế đất						
Thuế bảo vệ môi trường						
Các loại thuế khác			4,000,000	4,000,000		
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác			12,500,000	12,500,000		
Cộng	3,349,165,353	2,085,152	2,969,315,406	5,551,667,733	765,826,849	1,098,975

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất theo quy định của NĐ 15 /2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 20%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3,832,779,684	3,633,674,132
<i>Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:</i>		
- Các khoản điều chỉnh tăng		
- Các khoản điều chỉnh giảm		
Thu nhập chịu thuế	3,832,779,684	3,633,674,132
Thu nhập được miễn thuế		
Lỗi các năm trước được chuyển		
Thu nhập tính thuế	3,832,779,684	3,633,674,132
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	766,555,936	726,734,827
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông</i>		
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm</i>		
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	766,555,936	726,734,827
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước		
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	766,555,936	726,734,827

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Phải trả người lao động

	<u>Số cuối năm/kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền lương phải trả	1,442,914,532	2,141,923,843
Tiền thưởng phải trả		
...		
Cộng	1,442,914,532	2,141,923,843

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm/kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	398,969,276	305,190,158
Cộng	398,969,276	305,190,158

17. Phải trả ngắn hạn khác

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm/kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
...		
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	593,527,739	598,612,042
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	
Kinh phí công đoàn	182,175,940	177,502,420
Bảo hiểm xã hội	165,512,745	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	245,839,054	421,109,622
Cộng	593,527,739	598,612,042

18. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối năm/kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	-	-
Phải trả về cổ phần hóa		
Nhận ký quỹ, ký cược	-	-
Các khoản phải trả dài hạn khác		
Cộng	-	-

19. Vay và nợ thuê tài chính**15a. Vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm/kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	48,785,484,783	48,785,484,783	42,573,714,572	42,573,714,572
Vay ngắn hạn ngân hàng BIDV Thanh Xuân	46,856,484,783	46,856,484,783	39,301,714,572	39,301,714,572
Vay dài hạn đến hạn trả BIDV Thanh Xuân	819,000,000	819,000,000	1,092,000,000	1,092,000,000
Vay dài hạn đến hạn trả Vietinbank Nghệ An	1,110,000,000	1,110,000,000	1,480,000,000	1,480,000,000
<i>Vay ngắn hạn các ngân hàng khác</i>				
Vay ngắn hạn các tổ chức khác				
<i>Vay ngắn hạn các tổ chức khác</i>				
Vay ngắn hạn các cá nhân			700,000,000	700,000,000
Cộng	48,785,484,783	48,785,484,783	42,573,714,572	42,573,714,572

15b. Vay dài hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm/kỳ	Số có khả năng trả	Số đầu năm	Số có khả năng
	Giá trị	nợ	Giá trị	trả nợ
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	12,864,000,000	12,864,000,000	12,864,000,000	12,864,000,000
Vay dài hạn ngân hàng BIDV CN Thanh Xuân	5,479,000,000	5,479,000,000	5,479,000,000	5,479,000,000
Vay dài hạn ngân hàng Vietinbank Nghệ An	7,385,000,000	7,385,000,000	7,385,000,000	7,385,000,000
Cộng	12,864,000,000	12,864,000,000	12,864,000,000	12,864,000,000

Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

20. Dự phòng phải trả ngắn hạn

	Số đầu năm	Số cuối năm/kỳ
Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hoá	267,363,054	267,363,054
Dự phòng trợ cấp thôi việc		
...		
Cộng	267,363,054	267,363,054

21. Dự phòng phải trả dài hạn

	Số đầu năm	Số cuối năm/kỳ
Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hoá	930,032,464	930,032,464
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng		-
Dự phòng tái cơ cấu doanh nghiệp ⁽ⁱ⁾		-
Dự phòng cho hợp đồng có rủi ro lớn ⁽ⁱⁱ⁾		-
Dự phòng trợ cấp thôi việc	47,218,500	47,218,500
Dự phòng chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định định kỳ		-
...		-
Cộng	977,250,964	977,250,964

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Công ty chỉ có quỹ khen thưởng. Chi tiết phát sinh như sau:

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm/kỳ	Số cuối năm/kỳ
Quỹ khen thưởng	1,046,878,719		(35,000,000)	1,011,878,719
Quỹ phúc lợi				-
Quỹ phúc lợi đã hình thành tài sản cố định				-
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành				-
Cộng	1,046,878,719	-	(35,000,000)	1,011,878,719

23. Vốn chủ sở hữu

23a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ dự phòng bảo hành + khác	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khen thưởng phúc lợi	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	65,749,980,000	1,041,216,087	2,214,333,235	712,721,723	24,774,538,547	92,738,851,782
Chi trả cổ tức bằng tiền					-6,574,998,000	-6,574,998,000
Thù lao BKS, HĐQT					-168,200,000	-168,200,000
Trích lập các quỹ		203,397,931	1,135,763,111	454,305,244	-1,590,068,355	-454,305,244
Chi từ quỹ khen thưởng				-120,148,248		
Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	13,149,500,000				-13,149,500,000	
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	980,000,000					980,000,000
Lợi nhuận trong kỳ					15,337,855,783	15,337,855,783
Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chu						
Số dư cuối năm trước	79,879,480,000	1,244,614,018	3,350,096,346	1,046,878,719	18,629,627,975	101,859,204,321
Số dư đầu năm nay	79,879,480,000	1,244,614,018	3,350,096,346	1,046,878,719	18,629,627,975	101,859,204,321
Lợi nhuận trong kỳ					3,066,223,748	3,066,223,748
Chi từ quỹ khen thưởng				-35,000,000		
Số dư cuối năm nay/kỳ này	79,879,480,000	1,244,614,018	3,350,096,346	1,011,878,719	21,695,851,723	104,925,428,069

23b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm/kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Quốc Tế Sơn Hà	40,240,200,000	40,240,200,000
Hoàng Mạnh Tân	9,095,000,000	9,095,000,000
Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	7,800,000,000	7,800,000,000
Khác	22,744,280,000	22,744,280,000
Cộng	79,879,480,000	79,879,480,000

23c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7 987 948	7 987 948
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	7 987 948	7 987 948
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	7 987 948	7 987 948

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

23d. Phân phối lợi nhuận

24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	20,360,779,756	11,639,428,655
Doanh thu bán thành phẩm	39,324,891,601	39,030,670,220
Doanh thu cung cấp dịch vụ	64,795,754	97,276,880
Doanh thu khác	30,222,222	24,827,271
Cộng	59,780,689,333	50,792,203,026

1b. Chi tiết doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty CP Kinh doanh và Phát Triển Dự án Sơn Hà	26,916,800	66,168,838
Công ty Cổ Phần Quốc tế Sơn Hà	36,234,994,864	29,797,422,440
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam		129,499
Công ty TNHH một thành viên Sơn Hà Nghệ An	2,640,106,284	3,617,378,832
Công ty TNHH MTV thiết bị gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh	237,231,232	39,650,260
Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Phát triển Dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc	7,376,992,222	
Công ty Cổ Phần Thiết Bị Nhà Bếp Sơn Hà		869,549
Công Ty Cổ Phần Tổng Công Ty Toàn Mỹ	5,263,169,100	7,903,737,406
Công ty TNHH Một Thành Viên Toàn Mỹ Miền Trung	1,941,887,220	988,480,735
khách hàng khác	6,059,391,611	8,378,365,467
Tổng cộng	59,780,689,333	50,792,203,026

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chiết khấu thương mại		113,836,364
Hàng bán bị trả lại	33,920,402	27,102,828
Giảm giá hàng bán		
Cộng	33,920,402	140,939,192

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	14,078,195,007	9,808,893,830
Giá vốn của thành phẩm đã bán	38,741,328,684	33,114,560,537
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	83,661,985	316,931,416
Các khoản ghi giảm giá vốn hàng bán khác		
Cộng	52,903,185,676	43,240,385,783

4. Doanh thu hoạt động tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn		
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	492,030	901,727
Lãi từ hoạt động cho vay	298,803,177	281,391,779
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	5,395,064	6,675,499
Khác		
Cộng	<u>304,690,271</u>	<u>288,969,005</u>

5. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	969,068,732	753,758,503
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	7,901,396	578,117
...		
Cộng	<u>976,970,128</u>	<u>754,336,620</u>

6. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	271,606,013	548,434,681
Chi phí khấu hao tài sản cố định	26,193,850	148,991,798
Chi phí bảo hành	334,239,088	340,771,192
Chi phí dịch vụ mua ngoài	130,991,754	360,952,417
Các chi phí khác	83,803,304	220839494
Cộng	<u>846,834,009</u>	<u>1,619,989,582</u>

7. Chi phí quản lý

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	1,251,663,538	1,496,541,839
Chi phí khấu hao tài sản cố định	119,960,206	237,379,829
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,053,838,318	612,314,253
Thuế, phí và lệ phí		
+ Chi phí đồ dùng văn phòng		
Các chi phí khác	69 464 412	812,857,882
Cộng	<u>2,494,926,474</u>	<u>3,159,093,803</u>

8. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	1,015,732,770	1,471,941,188
Thu nhập khác		
Cộng	<u>1,015,732,770</u>	<u>1,471,941,188</u>

9. Chi phí khác

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí khác	12,496,001	4,694,107
Cộng	12,496,001	4,694,107

10. Lãi trên cổ phiếu

10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Số kỳ này	Số kỳ trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp		
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi		
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu		
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm		
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu		

10b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Chia cổ tức		
Bảo hiểm xã hội nộp hộ		

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	Công ty mẹ (SHI)
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam	Công ty con của SHI
Công ty TNHH MTV Sơn Hà Nghệ An	Công ty con của SHI

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Dự án Sơn Hà	Công ty con của SHI
Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Phát triển Dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc	Công ty con của SHI
Công ty TNHH MTV Thiết bị gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh	Công ty con của SHI
Công ty Cổ phần Thiết bị nhà bếp Sơn Hà	Công ty con của SHI

2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Lập, ngày 20 tháng 04 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Bá Thị Hợp

Nguyễn Bá Thị Hợp

Hoàng Mạnh Tân